

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHỖ NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THỦY ĐIỆN NẬM MU**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN NẬM MU

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	14 - 31
8. Phụ lục 1: Báo cáo kết quả kinh doanh các nhà máy cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	32

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tiền thân là Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần Sông Đà 9) thuộc Tổng công ty Sông Đà, được thành lập từ tháng 01 năm 2002. Tháng 12 năm 2002, Ban quản lý chuyển thành Nhà máy Thủy điện Nậm Mu trực thuộc Công ty Sông Đà 9. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 5100174626, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 05 năm 2003 với số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1003000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp bổ sung 07 lần Giấy chứng nhận thay đổi để phù hợp với tình hình hoạt động, lần thứ 07 là ngày 09 tháng 3 năm 2016.

### **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.
- Điện thoại : (0219) 3827 276
- Fax : (0219) 3827 523

### **Hoạt động kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:**

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; Tư vấn, xây lắp các công trình điện; Nhận thầu xây lắp các công trình: Xây dựng công nghiệp, xây dựng thủy điện, bru điện; Xây dựng các công trình kỹ thuật, hạ tầng, đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý đất nền yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống;
- Lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, điện lạnh;
- Trang trí nội thất, gia công, lắp đặt khung nhôm kính các loại;
- Xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Kinh doanh bất động sản;
- Lắp đặt các cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các hệ thống kỹ thuật công trình, các loại máy móc, thiết bị (thang, điều hòa, thông gió, phòng cháy, cấp thoát nước);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, gạch, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng, tấm lợp, gỗ dùng trong xây dựng và tiêu dùng khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị kinh doanh, thiết bị xây dựng;
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị kinh doanh, thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông, lâm, thủy sản, hàng tiêu dùng; Đầu tư tài chính (dùng vốn của công ty để đầu tư vào các dự án); Nhập khẩu thiết bị vật tư công nghiệp;

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy điện, xây dựng hạ tầng, xây dựng đô thị, san lấp nền móng;
- Kinh doanh khách sạn du lịch./.

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hải Sơn	Chủ tịch Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019 Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Hà Ngọc Phiêm	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Ông Đỗ Văn Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015
Ông Bùi Vi Dương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2015
Bà Phạm Thị Thu Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Trọng Cẩn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Vương Quốc Thắng	Trưởng ban Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019 Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Thanh Hà	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019
Bà Trần Thị Len	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Ngọc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2019

### Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Văn Hà	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Viết Kỳ	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Phùng Xuân Hưng	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015
Ông Bùi Trọng Cẩn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Hà - Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2015).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc, *HL*

Giám đốc



**Đỗ Văn Hà**

Ngày 04 tháng 03 năm 2020

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.097/20/TC-AC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 04 tháng 03 năm 2020, từ trang 07 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

**Nguyễn Thị Thanh Huyền – Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3707-2016-008-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>21.336.135.703</b>	<b>27.135.964.180</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>7.973.857.523</b>	<b>1.595.943.151</b>
1. Tiền	111		7.973.857.523	1.595.943.151
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.036.743.713</b>	<b>18.364.683.490</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.157.675.344	16.073.546.704
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.431.020.400	128.784.650
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.448.047.969	2.162.352.136
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>647.664.962</b>	<b>35.935.454</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	647.664.962	35.935.454
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.677.869.505</b>	<b>7.139.402.085</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	501.333.333	6.269.513.945
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.176.536.172	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	869.888.140
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>379.831.447.178</b>	<b>398.051.574.092</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>330.799.368.848</b>	<b>369.459.836.533</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	330.799.368.848	369.459.836.533
<i>Nguyên giá</i>	222		697.422.411.504	710.023.826.311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(366.623.042.656)	(340.563.989.778)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>16.652.355.791</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	16.652.355.791	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>30.600.000.000</b>	<b>24.008.009.370</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	30.600.000.000	30.600.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2	-	(6.591.990.630)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.779.722.539</b>	<b>4.583.728.189</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.779.722.539	4.583.728.189
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>401.167.582.881</b>	<b>425.187.538.272</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105.409.196.799</b>	<b>129.813.107.121</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>90.460.175.108</b>	<b>64.580.969.430</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	20.266.951.608	7.170.655.472
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	10.857.320.098	2.104.942.203
4. Phải trả người lao động	314		2.918.725.451	5.097.291.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	261.230.086	462.914.227
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	1.985.227.303	3.271.563.562
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	53.083.116.000	45.383.116.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1.087.604.562	1.090.486.966
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.949.021.691</b>	<b>65.232.137.691</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	14.949.021.691	65.232.137.691
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>295.758.386.082</b>	<b>295.374.431.151</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>295.758.386.082</b>	<b>295.374.431.151</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		209.999.000.000	209.999.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(468.780.000)	(468.780.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		38.077.970.647	35.808.852.500
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.117.516.769	50.002.679.985
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.103.172.802	50.002.679.985
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.014.343.967	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		32.678.666	32.678.666
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>401.167.582.881</b>	<b>425.187.538.272</b>

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Nguyễn Thanh Lệ

Nguyễn Thanh Lệ

Đỗ Văn Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	152.868.850.058	172.866.435.585
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		152.868.850.058	172.866.435.585
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	83.387.274.001	99.774.405.963
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.481.576.057	73.092.029.622
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	397.078.436	846.959.493
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.750.439.555	14.867.092.503
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.342.400.719	14.076.585.830
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.248.883.752	8.667.187.531
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.879.331.186	50.404.709.081
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.387.070.447	201.016.407
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.305.628.071	61.805.013
13. Lợi nhuận khác	40		(2.918.557.624)	139.211.394
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.960.773.562	50.543.920.475
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	10.946.429.595	5.161.557.530
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.014.343.967	45.382.362.945

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Thanh Lệ

Nguyễn Thanh Lệ

Đỗ Văn Hà

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		56.960.773.562	50.543.920.475
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	34.151.028.593	34.443.092.883
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(6.591.990.630)	789.300.006
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		29.466	(8.212)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		4.772.819.380	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.342.400.719	14.076.585.830
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		98.635.061.090	99.852.890.982
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.452.312.145	(2.036.968.557)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(611.729.508)	1.673.882.733
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.579.894.093)	7.054.415.186
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.572.186.262	(7.325.861.453)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.504.084.860)	(14.261.525.713)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(3.526.387.579)	(7.369.084.415)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(3.633.471.440)	(3.012.495.900)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>91.803.992.017</b>	<b>74.575.252.863</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(1.265.631.191)	(530.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		376.619.712	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(889.011.479)</b>	<b>(530.000.000)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(42.583.116.000)	(53.330.420.917)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.953.920.700)	(35.661.172.245)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(84.537.036.700)</b>	<b>(88.991.593.162)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>6.377.943.838</b>	<b>(14.946.340.299)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>1.595.943.151</b>	<b>16.542.275.238</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(29.466)	8.212
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>7.973.857.523</b>	<b>1.595.943.151</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Lệ

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Đỗ Văn Hà

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất điện thương phẩm.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất và buôn bán điện thương phẩm.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần trực thuộc Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu xảy ra sự cố và tạm dừng hoạt động để tiến hành sửa chữa khắc phục sự cố. Tháng 1 năm 2020, nhà máy đã trở lại hoạt động bình thường. Việc tạm dừng hoạt động gần 2 tháng đã làm ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty.

##### 6. Cấu trúc Công ty

###### *Công ty con*

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô có trụ sở chính tại Tầng 8, tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là Kinh doanh bất động sản, xây lắp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75,90%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 132 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 141 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí sửa chữa tài sản. Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **10. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản***

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

#### **11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán điện thành phẩm***

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Tổng công ty Điện lực miền Bắc xác nhận và đơn giá quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

#### **13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	159.795.760	211.188.501
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.814.061.763	1.384.754.650
<b>Cộng</b>	<b><u>7.973.857.523</u></b>	<b><u>1.595.943.151</u></b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ bao gồm đầu tư vào công ty con, chi tiết như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô <sup>(i)</sup>	30.600.000.000		30.600.000.000	(6.591.990.630)
<b>Cộng</b>	<b><u>30.600.000.000</u></b>		<b><u>30.600.000.000</u></b>	<b><u>(6.591.990.630)</u></b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104800561 thay đổi lần thứ 2 ngày 29 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô 30.600.000.000 VND, tương đương 72,86% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 30.600.000.000 VND, tương đương 75,86% vốn điều lệ (số đầu năm là 30.600.000.000 VND, tương đương 75,86% vốn điều lệ).

##### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

##### Tình hình hoạt động của Công ty con

Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô trong năm không phát sinh doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

##### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(6.591.990.630)	(5.802.690.624)
Hoàn nhập dự phòng	6.591.990.630	(789.300.006)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>        </u></b>	<b><u>(6.591.990.630)</u></b>

##### Giao dịch với công ty con

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con. Cùng kỳ năm trước chỉ phát sinh giao dịch chi phí lãi vay phải trả công ty con với số tiền là 332.558.111 VND.

##### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Là khoản phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Hệ thống điện Miền Bắc	760.000.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Miền Bắc	267.920.400	
Công ty TNHH Nam Anh		128.784.650
Các khách hàng khác	403.100.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.431.020.400</u></b>	<b><u>128.784.650</u></b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.228.158.000</i>		<i>11.561.000</i>	
Ông Hà Ngọc Phiếm - tiền tạm ứng	52.613.000		9.546.000	
Ông Phùng Xuân Hưng - tiền tạm ứng	65.545.000		2.015.000	
Ông Nguyễn Việt Kỳ - tiền tạm ứng	1.110.000.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>219.889.969</i>		<i>2.150.791.136</i>	
Tạm ứng	71.306.700		94.535.026	
Ký quỹ, ký cược			1.557.374.400	
Thuế GTGT chưa kê khai			411.517.511	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	148.583.269		87.364.199	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.448.047.969</u></b>		<b><u>2.162.352.136</u></b>	

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	647.664.962		35.235.454	
Công cụ, dụng cụ			700.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>647.664.962</u></b>		<b><u>35.935.454</u></b>	

**7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước là chi phí sửa chữa TSCĐ còn phải phân bổ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	522.774.591.836	184.057.016.968	3.134.672.052	57.545.455	710.023.826.311
Mua trong năm		640.000.000			640.000.000
Giảm trong năm(*)		(13.241.414.807)			(13.241.414.807)
<b>Số cuối năm</b>	<b>522.774.591.836</b>	<b>171.455.602.161</b>	<b>3.134.672.052</b>	<b>57.545.455</b>	<b>697.422.411.504</b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		48.398.798.163	1.814.781.143	57.545.455	50.271.124.761
---	--	----------------	---------------	------------	----------------

#### Giá trị hao mòn

Số đầu năm	218.258.915.388	120.212.765.968	2.034.762.967	57.545.455	340.563.989.778
Khấu hao trong năm	20.323.447.572	13.662.594.653	164.986.368		34.151.028.593
Giảm trong năm		(8.091.975.715)			(8.091.975.715)
<b>Số cuối năm</b>	<b>238.582.362.960</b>	<b>125.783.384.906</b>	<b>2.199.749.335</b>	<b>57.545.455</b>	<b>366.623.042.656</b>

#### Giá trị còn lại

Số đầu năm	304.515.676.448	63.844.251.000	1.099.909.085		369.459.836.533
<b>Số cuối năm</b>	<b>284.192.228.876</b>	<b>45.672.217.255</b>	<b>934.922.717</b>		<b>330.799.368.848</b>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử  
dụng

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 328.690.787.561 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Bảo Việt.

(\*) Là các tài sản giảm do sự cố ngày 07 tháng 11 năm 2019. Chi tiết như sau:

Tên thiết bị	Giá trị hao mòn		Giá trị còn lại
	Nguyên giá	lũy kế	
Hệ thống bảo vệ	2.319.479.379	1.417.459.621	902.019.759
Thiết bị điện trong nhà máy	2.072.731.857	1.266.669.468	806.062.389
Máy biến áp chính	4.763.780.877	1.911.199.425	1.852.581.452
Cáp điện	3.805.231.270	2.325.419.109	1.479.812.161
Trạm phân phối ngoài trời 110KV	2.801.914.424	171.228.092	108.963.332
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.241.414.807</b>	<b>8.091.975.715</b>	<b>5.149.439.092</b>

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí sửa chữa khắc phục sự cố Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Yuxiang Hồ Nam		1.553.511.600
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng IBS Việt Nam		1.749.493.614
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Trường An	421.438.315	917.781.010
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp miền Bắc	7.297.945.000	
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh	6.225.000.000	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Dũng Nhi	3.934.800.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Tiến Đạt	952.000.000	
Công ty TNHH MTV Kiểm định kỹ thuật an toàn dầu khí Việt Nam	828.858.800	
Các nhà cung cấp khác	606.909.493	2.949.869.248
<b>Cộng</b>	<b><u>20.266.951.608</u></b>	<b><u>7.170.655.472</u></b>

### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	267.309.873	441.015.826	13.754.399.220	(11.812.547.787)	1.768.145.480
<i>Chi cục thuế Bắc Quang</i>	267.309.873		8.321.314.218	(7.378.952.008)	1.209.672.083
<i>Chi cục thuế Vị Xuyên</i>		441.015.826	5.433.085.002	(4.433.595.779)	558.473.397
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.089.246.355		10.946.429.595	(3.526.387.579)	8.509.288.371
Thuế thu nhập cá nhân	55.780.318		707.257.000	(622.553.150)	140.484.168
Thuế tài nguyên		428.872.314	12.872.796.258	(12.012.815.522)	431.108.422
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	692.605.657		1.605.357.000	(2.289.669.000)	8.293.657
Thuế môn bài			3.000.000	(3.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			29.634.396	(29.634.396)	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.104.942.203</u></b>	<b><u>869.888.140</u></b>	<b><u>39.918.873.469</u></b>	<b><u>(30.296.607.434)</u></b>	<b><u>10.857.320.098</u></b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **Nhà máy Thủy điện Nậm Mu**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 4211/BKH-PTDN ngày 11 tháng 7 năm 2003 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Luật thuế Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động Nhà máy Thủy điện Nậm Mu với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2004 đến năm 2018), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2004 đến 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2016).



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MŨ

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### *Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần*

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 10211000002 ngày 27 tháng 02 năm 2017 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thu nhập từ Nhà máy Thủy điện Nậm Ngần phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập dự án (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2019).

#### *Nhà máy Thủy điện Nậm An*

Nhà máy Thủy điện Nậm An là Dự án đầu tư mở rộng, không được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập từ các hoạt động của Nhà máy Thủy điện Nậm An phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

#### *Các hoạt động khác*

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.960.773.562	50.543.920.475
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.527.808.844	753.355.202
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.990.723.071	1.361.209.312
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(462.914.227)</u>	<u>(607.854.110)</u>
Thu nhập chịu thuế	62.488.582.406	51.297.275.677
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	<u>62.488.582.408</u>	<u>51.297.275.677</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>12.497.716.481</b>	<b>10.259.455.135</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>		<i>(3.574.761.813)</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</b>	<b><u>(1.731.617.019)</u></b>	<b><u>(1.554.965.754)</u></b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>10.766.099.462</b>	<b>5.129.727.568</b>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước</i>	<i>180.330.133</i>	<i>31.829.962</i>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b><u>10.946.429.595</u></b>	<b><u>5.161.557.530</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện với giá tính thuế là giá bán lẻ điện thương phẩm là 1.864,44 đ/Kwh (áp dụng từ ngày 20/3/2019 theo quyết định số 648/QĐ-BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công thương) và thuế suất là 5%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước**

Công ty phải nộp phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo thông báo của cơ quan thuế hàng năm.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Là chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng.

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>195.567.867</b>	<b>1.316.522.824</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô - Lãi vay phải trả		1.117.954.957
Tổng Công ty Sông Đà	135.567.867	135.567.867
Thù lao HĐQT, BKS	60.000.000	63.000.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.789.659.436</b>	<b>1.955.040.738</b>
Kinh phí công đoàn	64.404.258	
BHXH, BHYT, BHTN	347.233.225	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	354.017.000	354.017.000
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	238.751.750	192.872.450
Quỹ bảo vệ môi trường rừng - Tỉnh Hà Giang	710.281.368	1.317.534.984
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	74.971.835	90.616.304
<b>Cộng</b>	<b>1.985.227.303</b>	<b>3.271.563.562</b>

**14. Vay ngắn hạn/dài hạn****14a. Vay dài hạn đến hạn trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	37.550.000.000	29.850.000.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (ii)	15.533.116.000	15.533.116.000
<b>Cộng</b>	<b>53.083.116.000</b>	<b>45.383.116.000</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	45.383.116.000	45.277.540.000
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	50.283.116.000	45.383.116.000
Số tiền vay đã trả	(42.583.116.000)	(45.277.540.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>53.083.116.000</b>	<b>45.383.116.000</b>

**14b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (i)	7.182.469.000	41.932.469.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (ii)	7.766.552.691	23.299.668.691
<b>Cộng</b>	<b>14.949.021.691</b>	<b>65.232.137.691</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HDDTDDA/NHCT195-NAMMU ngày 30/06/2015 để tái tài trợ khoản vay dài hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng để đầu tư các dự án thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần, thời hạn vay 70 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ. Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2019-HĐCV-SDBS/NHCT195-NAMMU ngày 07 tháng 01 năm 2019 điều chỉnh lịch trả nợ gốc vay, ngày thanh toán nợ gốc vay cuối cùng là ngày 07 tháng 4 năm 2021. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn tự có và vốn vay của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, nhà máy Thủy điện Nậm Ngần và Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của nhà máy Thủy điện Nậm Mu, Nậm Ngần (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Sở giao dịch theo hợp đồng tín dụng 109/2011.HDTD-DN ngày 07/04/2011 để đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Nậm An, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay và thay đổi lãi suất theo quy định của Ngân hàng TMCP Bảo Việt tại thời điểm giải ngân. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Thủy điện Nậm An (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	53.083.116.000	45.383.116.000
Trên 1 năm đến 5 năm	14.949.021.691	65.232.137.691
<b>Cộng</b>	<b>68.032.137.691</b>	<b>110.615.253.691</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	41.932.469.000	(34.750.000.000)	7.182.469.000
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	23.299.668.691	(15.533.116.000)	7.766.552.691
<b>Cộng</b>	<b>65.232.137.691</b>	<b>(50.283.116.000)</b>	<b>14.949.021.691</b>

#### 14c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	692.059.546	2.541.412.325	(2.501.800.000)	731.671.871
Quỹ phúc lợi	398.427.420	1.089.176.711	(1.131.671.440)	355.932.691
<b>Cộng</b>	<b>1.090.486.966</b>	<b>3.630.589.036</b>	<b>(3.633.471.440)</b>	<b>1.087.604.562</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số đầu năm trước	209.999.000.000	(468.780.000)	32.135.208.453	47.667.435.134	32.678.666	289.365.542.253
Lợi nhuận trong năm trước				45.382.362.945		45.382.362.945
Trích lập các quỹ			3.673.644.047	(7.347.288.094)		(3.673.644.047)
Chia cổ tức				(35.699.830.000)		(35.699.830.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>35.808.852.500</b>	<b>50.002.679.985</b>	<b>32.678.666</b>	<b>295.374.431.151</b>
Số dư đầu năm nay	209.999.000.000	(468.780.000)	35.808.852.500	50.002.679.985	32.678.666	295.374.431.151
Lợi nhuận trong năm nay				46.014.343.969		46.014.343.969
Trích lập các quỹ			2.269.118.147	(5.899.707.183)		(3.630.589.036)
Chia cổ tức				(41.999.800.000)		(41.999.800.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>(468.780.000)</b>	<b>38.077.970.647</b>	<b>48.117.516.771</b>	<b>32.678.666</b>	<b>295.758.386.084</b>

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	107.100.000.000	107.100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	51.189.000.000	51.189.000.000
Công ty TNHH Dalat Safari		20.500.000.000
Ông Võ Anh Linh	20.664.620.000	
Các cổ đông khác	31.045.380.000	31.210.000.000
<b>Cộng</b>	<b>209.999.000.000</b>	<b>209.999.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	20.999.900	20.999.900
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.999.900	20.999.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 01NQ/NQĐHĐCĐ/19 ngày 25 tháng 4 năm 2019 như sau:

	<u>VND</u>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	41.999.800.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.269.118.147
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.630.589.036

#### 17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

##### Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	36,84	39,04
Euro (EUR)	26,07	27,17

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

Là doanh thu bán điện thành phẩm.

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của điện thành phẩm đã bán.

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	376.619.712	807.051.977
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	15.360.124	38.502.225
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.098.600	1.397.079
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.212
<b>Cộng</b>	<b><u>397.078.436</u></b>	<b><u>846.959.493</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.342.400.719	14.076.585.830
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(6.591.990.630)	789.300.006
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh		1.206.667
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	29.466	
<b>Cộng</b>	<b><u>2.750.439.555</u></b>	<b><u>14.867.092.503</u></b>

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.730.247.219	4.990.321.217
Chi phí vật liệu quản lý	664.210.808	608.507.262
Chi phí đồ dùng văn phòng	73.972.779	137.022.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	164.986.368	164.986.368
Thuế, phí và lệ phí	55.117.700	30.310.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.999.246	559.438.290
Các chi phí khác	2.382.349.632	2.176.601.456
<b>Cộng</b>	<b><u>7.248.883.752</u></b>	<b><u>8.667.187.531</u></b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ bán Cers	156.796.649	
Thu nhập từ bán điện	38.535.469	40.490.407
Thu nhập từ phí cấp quyền khai thác nước	2.141.940.000	
Thu nhập từ bán phế liệu	40.707.424	160.516.000
Thu nhập khác	9.090.905	10.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.387.070.447</u></b>	<b><u>201.016.407</u></b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí bán Cers	9.212.222	
Khấu hao các TSCĐ không sử dụng	12.684.346	22.662.504
Thuế bị phạt, bị truy thu	125.103.803	32.665.458
Phạt chậm nộp bảo hiểm	3.608	539
Giá trị còn lại của tài sản giảm trong năm	5.149.439.092	
Chi phí khác	9.185.000	6.476.512
<b>Cộng</b>	<b><u>5.305.628.071</u></b>	<b><u>61.805.013</u></b>

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.991.694.676	3.751.822.989
Chi phí nhân công	15.478.046.227	19.621.681.806
Chi phí khấu hao tài sản cố định	34.138.344.247	34.420.430.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.749.346.015	34.638.963.713
Chi phí khác	8.278.726.588	16.008.694.607
<b>Cộng</b>	<b><u>90.636.157.753</u></b>	<b><u>108.441.593.494</u></b>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Bùi Trọng Căn - Phó giám đốc Công ty</b>		
Tạm ứng	308.649.000	128.000.000
Hoàn ứng	256.036.000	118.454.000
<b>Phùng Xuân Hưng - Phó giám đốc Công ty</b>		
Tạm ứng	157.570.000	132.780.000
Hoàn ứng	92.025.000	130.765.000
<b>Nguyễn Viết Kỳ - Phó giám đốc Công ty</b>		
Tạm ứng	1.100.000.000	
Hoàn ứng		

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.525.097.000	1.771.919.000
Thù lao HĐQT, BKS	237.000.000	259.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.762.097.000</u></b>	<b><u>2.030.919.999</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU

Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bru điện	Cổ đông lớn
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ của Sông Đà 9

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2, trong năm Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 9</b>		
Trả cổ tức	21.420.000.000	18.207.000.000
Thuê văn phòng		5.454.545
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bru điện</b>		
Trả cổ tức	10.237.800.000	8.702.130.000

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.13.

### 2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thanh Lệ

Nguyễn Thanh Lệ

Đỗ Văn Hà





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NẬM MU**  
Địa chỉ: Xã Tân Thành, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục 1:

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÁC NHÀ MÁY**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Nậm Mu</b>	<b>Nậm Ngân</b>	<b>Nậm An</b>	<b>Tổng cộng</b>
1. Tổng doanh thu	73.461.431.062	57.820.182.619	24.371.385.260	155.652.998.941
2. Tổng chi phí	27.005.120.960	45.874.182.276	25.812.922.143	98.692.225.379
Trong đó chi phí khấu hao	3.668.907.596	20.613.264.449	9.691.185.834	33.973.357.879
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.456.310.103	11.946.000.343	(1.441.536.884)	56.960.773.562
4. Nguyên giá TSCĐ Nhà máy	194.695.075.450	312.053.745.936	187.481.372.611	694.230.193.997

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Lệ

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Lệ



Lập, ngày 04 tháng 3 năm 2020

Giám đốc

Đỗ Văn Hà